

Số: 83/2025/TGG/CBTT

TP.HCM, ngày 29 tháng 10 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP The Golden Group thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 3/năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP

- Mã chứng khoán: TGG
- Địa chỉ: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: Fax:
- Email: info@thegoldengroup.vn Website: <https://thegoldengroup.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 3/năm 2025
 - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại:

☐ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Không☐ Có☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/10/2025 tại đường dẫn: <https://thegoldengroup.vn/>

Tài liệu đính kèm:

BCTC Q3/2025

VB giải trình

CÔNG TY
CỔ PHẦN
THE
GOLDEN
GROUP

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN THE GOLDEN GROUP
DN: C=VN, L=TPHCM,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN THE
GOLDEN GROUP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0105787835
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2025.10.29 13:35:45+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.2.1

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Võ Kim Nguyên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025

Của

CÔNG TY CỔ PHẦN THE GOLDEN GROUP



MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo tài chính riêng	1-16
Bảng Cân đối kế toán	1-2
Báo cáo Kết quả kinh doanh	3
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	4
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	5-16

CỔ
CỔ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 Tháng 09 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30-9-2025	01-01-2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.269.728.249	17.484.489.370
I. Tiền	110	V.1	396.464.046	2.948.620.873
Tiền	111		396.464.046	748.620.873
Các khoản tương đương tiền	112		-	2.200.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.717.292.326	11.178.572.749
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		282.707.461	109.525.833
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.247.481.001	1.638.333.001
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	2.813.865.921	3.553.865.921
Các khoản phải thu khác	136	V.5a	57.375.204.130	57.198.508.316
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6a	(51.001.966.187)	(51.321.660.322)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.155.971.877	3.357.295.748
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.8b	275.987.483	477.311.354
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.8b	2.879.984.394	2.879.984.394
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		120.347.673.977	123.032.088.056
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		126.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	126.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		25.166.677	32.666.674
Tài sản cố định hữu hình	221		25.166.677	32.666.674
- Nguyên giá	222		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.833.323)	(17.333.326)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		108.854.515.972	111.395.398.119
Đầu tư vào công ty con	251	V.2a	162.700.000.000	162.700.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2a	23.532.000.000	23.332.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2a	(77.377.484.028)	(74.636.601.881)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		11.341.991.328	11.604.023.263
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	11.341.991.328	11.604.023.263
TÓNG CỘNG TÀI SẢN	270		134.617.402.226	140.516.577.426

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 30 Tháng 09 năm 2025
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30-9-2025	01-01-2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.494.994.903	3.574.609.543
I. Nợ ngắn hạn	310		1.460.194.903	3.539.809.543
Phải trả người bán ngắn hạn	311		87.556.054	3.425.760
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		20.000.000	34.615.385
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.8a	17.046.666	32.383.104
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.545.455	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.9a	-	2.138.338.566
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.331.046.728	1.331.046.728
II. Nợ dài hạn	330		34.800.000	34.800.000
Phải trả dài hạn khác	337	V.9b	34.800.000	34.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.122.407.323	136.941.967.883
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	133.122.407.323	136.941.967.883
Vốn góp của chủ sở hữu	411		272.999.900.000	272.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		272.999.900.000	272.999.900.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.889.093.455	2.889.093.455
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(142.766.586.132)	(138.947.025.572)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(138.947.025.572)	(126.982.319.387)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.819.560.560)	(11.964.706.185)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		134.617.402.226	140.516.577.426

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lý Thanh Nhã

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

Lưu ý kể 9 tháng năm 2025

CHỈ TIÊU		Mã số	Ghi chú	Quý III năm 2025	Quý III năm 2024	Lũy kế 9 tháng năm 2025	Lũy kế 9 tháng năm 2024	Đơn vị tính: VNĐ
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ		01		107.190.852	-	161.386.655	-	
Các khoản giảm trừ doanh thu		02		-	-	-	-	
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		10		107.190.852	-	161.386.655	-	
Giá vốn hàng bán		11		76.918.125	-	250.078.299	-	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20		30.272.727	-	(88.691.644)	-	
Doanh thu hoạt động tài chính		21	VI.1	70.923.468	79.571.661	238.043.421	704.441.587	
Chi phí tài chính		22	VI.2	1.256.595.503	4.604.211.255	2.740.882.148	6.665.414.286	
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23		-	-	-	-	
Chi phí bán hàng		25		-	-	-	-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp		26	VI.3	489.561.245	645.929.000	3.072.121.100	4.199.379.278	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30		(1.644.960.553)	(5.170.568.594)	(5.663.651.471)	(10.160.351.977)	
Thu nhập khác		31		-	-	1.909.090.911	540	
Chi phí khác		32		-	-	65.000.000	92.837.136	
Lợi nhuận khác		40		-	-	1.844.090.911	(92.836.596)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50		(1.644.960.553)	(5.170.568.594)	(3.819.560.560)	(10.253.188.573)	
Chi phí thuế TNDN hiện hành		51		-	-	-	-	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		52		-	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế TNDN		60		(1.644.960.553)	(5.170.568.594)	(3.819.560.560)	(10.253.188.573)	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025
Đang Giám đốc



Trần Thị Thanh Loan

Trần Thị Thanh Loan

Lý Thanh Nhã

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Theo phương pháp gián tiếp
Luỹ kế 9 tháng năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Ghi chú	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(3.819.560.560)	(10.253.188.573)
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	7.499.997	7.499.997
Các khoản dự phòng	03	2.421.188.012	8.221.787.684
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.147.134.332)	(704.441.587)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	(3.538.006.883)	(2.728.342.479)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	2.232.380.810	(346.481.832)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(2.079.614.640)	(65.169.242)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	262.031.935	291.848.208
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	20	(3.123.208.778)	(2.848.145.345)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(160.000.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	900.000.000	10.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(200.000.000)	(10.100.200.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.600.200.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	31.051.951	65.410.771
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	30	571.051.951	4.565.410.771
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.552.156.827)	1.717.265.426
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.948.620.873	938.584.633
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	396.464.046	2.655.850.059

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025

Tổng Giám đốc



Lý Thanh Nhã

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1 . Thông tin doanh nghiệp

Công ty cổ phần The Golden Group được đổi tên từ Công ty cổ phần Louis Capital (tiền thân là Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105787835, đăng ký lần đầu ngày 10/02/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 06/09/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Thông tin về trụ sở chính: Lầu 7, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty được đăng ký giao dịch (UPCoM) tại sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TGG.
Hoạt động chính của Công ty trong năm là tư vấn quản lý, cho thuê mặt bằng, kinh doanh chứng khoán.

2 . Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có 3 công ty con cụ thể như sau:

Danh sách các công ty con

Stt	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/09/2025	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC	TPHCM	79,8%	111.127.000.000	Mua bán tài sản, mua bán nợ
2	Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global	TPHCM	100,0%	2.000.000.000	Kho vận, logistics
3	Công ty TNHH Angimex Furious	An Giang	51%	100.000.000.000	Mua bán xe gắn máy và phụ tùng, dịch vụ sửa chữa

Danh sách các công ty liên kết

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết cụ thể như sau:

Stt	Tên doanh nghiệp	Trụ sở chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Vốn điều lệ thực góp tại ngày 30/09/2025	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư	TPHCM	35,65%	66.000.000.000	Xây dựng, lắp đặt và tư vấn liên quan đến công trình xây dựng tư vấn đầu tư

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1 . Kỳ kế toán năm:** Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.
- 2 . Đơn vị tiền tệ:** Đồng Việt Nam

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

3 . Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

2 . Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

4 . Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

5 . Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

6 . Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

7 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, chi phí phát hành trái phiếu và các chi phí khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

8 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ, chi phí lãi vay được vốn hóa và chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10 . Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được phê duyệt bởi các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chậm thanh toán, lãi mua bán chứng khoán kinh doanh, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, bảng tính lãi chậm thanh toán, lãi khi bán chứng khoán kinh doanh.

12 . Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền và các khoản tương đương tiền

	30-9-2025	01-01-2025
Tiền mặt	141.399.905	141.399.905
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	255.064.141	607.220.968
Các khoản tương đương tiền	-	2.200.000.000
	396.464.046	2.948.620.873

2 . Các khoản đầu tư tài chính

	30-9-2025			01-01-2025		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào công ty con	162.700.000.000	85.322.515.972	77.377.484.028	162.700.000.000	88.063.398.119	74.636.601.881
<i>Công ty cổ phần quản lý và khai thác tài sản Louis AMC (1)</i>	88.700.000.000	19.671.743.614	69.028.256.386	88.700.000.000	20.960.262.800	67.739.737.200
<i>Công Ty TNHH MTV Kho Vận Wings Global (2)</i>	2.000.000.000	43.643.620	1.956.356.380	2.000.000.000	41.036.318	1.958.963.682
<i>Công ty TNHH Angimex Furious (3)</i>	72.000.000.000	63.607.128.738	6.392.871.262	72.000.000.000	67.062.099.001	4.937.900.999
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	23.532.000.000	23.532.000.000	-	23.332.000.000	23.332.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư (4)</i>	23.532.000.000	23.532.000.000	-	23.332.000.000	23.332.000.000	-

(1) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC với tổng số tiền góp vốn theo mệnh giá là 88.700.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 85,6% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 85,6% quyền biểu quyết. Trong năm 2022, do công ty cổ phần Quản lý và khai thác tài sản Louis AMC tăng vốn thực góp, dẫn đến thay đổi tỷ lệ thành 79,8% vốn thực góp và 79,8% quyền biểu quyết.

(2) Trong năm 2021, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV Kho vận Wings Global với tổng số tiền góp vốn là 2.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 100% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 100% quyền biểu quyết.

(3) Trong năm 2021, Công ty đã mua lại vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious với tổng số tiền mua theo vốn điều lệ là 49.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 49% vốn thực góp và chiếm tỷ lệ 49% quyền biểu quyết. Ngày 23/12/2022, Công ty CP XNK An Giang mua lại vốn góp với số tiền mua theo vốn điều lệ là 19.000.000.000 đồng. Do đó, tại ngày 31/12/2022, số dư vốn góp mà Công ty CP The Golden Group đang nắm giữ chỉ chiếm tỷ lệ 30% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong tháng 12/2023, Công ty đã mua thêm 21 tỷ vốn góp của Công ty TNHH Angimex Furious, chiếm tỷ lệ từ 30% lên 51% vốn thực góp công ty TNHH Angimex Furious. Trong năm 2024, Công ty TNHH Angimex Furious hoàn tiền góp vốn theo nghị quyết số :26/NQ-HDTV ngày 26.01.2024, và Công ty chỉ tiền góp vốn tại Công ty TNHH Angimex Furious theo nghị quyết số :27/NQ-HDTV ngày 01.02.2024.

(4) Từ tháng 5/2023 đến tháng 10/2023, Công ty đã mua lại cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư Vấn Đầu tư với tổng số tiền là 20.654.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 31,29% vốn điều lệ. Ngày 16/08/2024, Công ty mua 0,76% cổ phần với số tiền là 500.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 32,05%. Ngày 07/11/2024, Công ty mua 3,3% cổ phần với số tiền là 2.178.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 35,35%. Ngày 25/03/2025, Công ty mua 0,3% cổ phần với số tiền là 200.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ là 35,65%.

3 . Trả trước cho người bán

	30-9-2025	01-01-2025
Trả trước ngắn hạn cho người bán: hoạt động SXKD	1.247.481.001	1.638.333.001
	1.247.481.001	1.638.333.001
<u>Chi tiết:</u>		
CN công ty ACC.Xí nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC	430.000.000	430.000.000
Công ty TNHH kiến trúc và chuyển giao công nghệ Hà Nội	550.000.001	550.000.001
Công Ty TNHH Kiểm Toán Và Tư Vấn UHY		389.880.000
Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam	116.640.000	118.800.000
Khác	150.841.000	149.653.000
	1.247.481.001	1.638.333.001

4 . Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30-9-2025	01-01-2025
Cho vay nội bộ ngắn hạn		
+ Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC	2.153.865.921	2.953.865.921
+ Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư	500.000.000	600.000.000
Cho bên thứ ba vay ngắn hạn		
+ Công Ty Cổ Phần HB Pharma	160.000.000	-
	2.813.865.921	3.553.865.921

5 . Phải thu khác

	30-9-2025	01-01-2025
a) Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	1.680.000	5.296.205
Phải thu lãi cho vay	4.823.524.130	4.643.212.111
Trong đó		
Bên thứ ba	553.091.505	-
Bên liên quan	4.270.432.625	4.643.212.111
Phải thu Từ Thị Hồng Thanh (*)	45.000.000.000	45.000.000.000
Phải thu Vũ Minh Hoàng	7.550.000.000	7.550.000.000
	57.375.204.130	57.198.508.316

(*) Chi tiết

(*) Là khoản tiền Công ty đã trả trước cho Bà Từ Thị Hồng Thanh để mua lại 7.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Golden Paddy với giá trị 75.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2021/HĐCNCP ngày 10/09/2021. Đến ngày 31/12/2021, Bà Từ Thị Hồng Thanh đã hoàn thành việc chuyển nhượng cho Công ty 3.000.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 30.000.000.000 đồng. Số tiền Công ty đã trả thừa cho Bà Từ Thị Hồng Thanh là 45.000.000.000 đồng, tương ứng với số cổ phần Bà Từ Thị Hồng Thanh chưa có quyền sở hữu nên chưa chuyển nhượng cho Công ty là 4.500.000 cổ phần, tương ứng với giá trị theo mệnh giá là 45.000.000.000 đồng. Đến thời điểm lập Báo cáo này Công ty chưa liên hệ được với Bà Từ Thị Hồng Thanh để thu hồi số tiền này.

6 . Nợ xấu

	9/30/2025			1/1/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu nhà cung cấp						
Bà Từ Thị Hồng Thanh	45.000.000.000	-	45.000.000.000	45.000.000.000	-	45.000.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty ACC - Xí nghiệp tư vấn thiết kế và xây dựng ACC	430.000.000	-	430.000.000	430.000.000	-	430.000.000

<i>Công ty TNHH Kiến trúc và chuyển giao công nghệ Hà Nội</i>	<i>550.000.001</i>	<i>-</i>	<i>550.000.001</i>	<i>550.000.001</i>	<i>-</i>	<i>550.000.001</i>
<i>Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Phương Bắc - Chi nhánh Phú Thọ</i>	<i>66.653.000</i>	<i>-</i>	<i>66.653.000</i>	<i>66.653.000</i>	<i>-</i>	<i>66.653.000</i>
<i>Trung tâm tư vấn và phát triển lâm nghiệp</i>	<i>50.000.000</i>	<i>-</i>	<i>50.000.000</i>	<i>50.000.000</i>	<i>-</i>	<i>50.000.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ AKISEI</i>	<i>32.400.000</i>	<i>-</i>	<i>32.400.000</i>	<i>32.400.000</i>	<i>-</i>	<i>32.400.000</i>
<i>CÔNG TY TNHH XNK LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM THIÊN VŨ</i>	<i>54.000.000</i>	<i>-</i>	<i>54.000.000</i>	<i>54.000.000</i>	<i>-</i>	<i>54.000.000</i>
<i>Công ty cổ phần Kiến trúc và Xây dựng AU</i>	<i>33.000.000</i>	<i>-</i>	<i>33.000.000</i>	<i>33.000.000</i>	<i>-</i>	<i>33.000.000</i>
<i>Công ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC</i>	<i>6.424.298.546</i>	<i>1.927.289.564</i>	<i>4.497.008.982</i>	<i>7.038.108.172</i>	<i>2.111.432.451</i>	<i>4.926.675.720</i>
<i>CÔNG TY CỔ PHẦN HB PHARMA</i>	<i>553.091.505</i>	<i>277.749.040</i>	<i>275.342.465</i>	<i>550.684.929</i>	<i>385.315.067</i>	<i>165.369.862</i>
<i>Khác</i>	<i>19.373.913</i>	<i>5.812.174</i>	<i>13.561.739</i>	<i>19.373.913</i>	<i>5.812.174</i>	<i>13.561.739</i>
Tổng cộng	53.212.816.965	5.812.174	51.001.966.187	53.824.220.015	2.502.559.692	51.321.660.322

7 . Chi phí trả trước

	30-9-2025	01-01-2025
a) Dài hạn		
Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia (*)	11.341.991.328	11.604.023.263
Cộng	11.341.991.328	11.604.023.263
Tổng	11.341.991.328	11.604.023.263

(*) Chi phí thuê diện tích thương mại dịch vụ, văn phòng tòa nhà SME Hoàng Gia theo Hợp đồng cho thuê số 01-T5(S1.S3)HĐCTMB/SME-HG ngày 20/6/2016 giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia và Công ty. Tổng diện tích thuê là 582,0m², thời hạn thuê từ tháng 6/2016 đến hết tháng 6/2058, tổng giá trị tiền thuê của hợp đồng là 16.000.000.000 đồng.

8 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau :

	30-9-2025	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01-01-2025
a) Phải nộp				
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân từ lương	17.046.666	195.617.575	210.954.013	32.383.104
	17.046.666	201.617.575	216.954.013	32.383.104
b) Phải thu				
Thuế GTGT hàng nội địa	275.987.483	(201.323.871)	-	477.311.354
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.879.984.394	-	-	2.879.984.394
	3.155.971.877	(201.323.871)	-	3.357.295.748

9 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30-9-2025	01-01-2025
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	-	38.338.566
Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác (*)	-	2.100.000.000
Cộng	-	2.138.338.566
(*) Chi tiết:		
Uy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình hỗ trợ dự án trang trại chăn nuôi lợn	-	2.100.000.000
	-	2.100.000.000

	30-9-2025	01-01-2025
b) Dài hạn		
- Nhận tiền cọc cho thuê văn phòng tòa nhà SME	34.800.000	34.800.000
Cộng	34.800.000	34.800.000

(*) Tiền hợp tác đầu tư Khu du lịch nghỉ dưỡng Ao Giời - Suối Tiên nhận của các cá nhân theo các hợp đồng hợp tác đầu tư để cùng thực hiện dự án.

10 . Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư và Phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	272.999.900.000	2.889.093.455	(126.982.319.387)	148.906.674.068
Lãi/Lỗ trong năm	-	-	(11.964.706.185)	(11.964.706.185)
Số dư đầu năm nay	272.999.900.000	2.889.093.455	(138.947.025.572)	136.941.967.883
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	(3.819.560.560)	(3.819.560.560)
Số dư cuối kỳ	272.999.900.000	2.889.093.455	(142.766.586.132)	133.122.407.323

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30-9-2025		01-01-2025	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Ngô Quang Tuấn	29.000.000.000	10,62%	29.000.000.000	10,6%
Các cổ đông khác	243.999.900.000	89,38%	243.999.900.000	89,4%
	272.999.900.000	100%	272.999.900.000	100%

Cổ phiếu	30-9-2025	01-01-2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/ ban hành ra công chúng	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.299.990	27.299.990
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.990	27.299.990

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024
- Lãi tiền gửi NH	9.451.952	889.992
- Lãi cho vay	228.591.469	703.551.595
Cộng	238.043.421	704.441.587

2 . Chi phí tài chính

	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024
- Trích lập khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	2.740.882.148	6.665.414.286
Cộng	2.740.882.148	6.665.414.286

3 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024
- Chi phí nhân viên quản lý	1.836.452.565	1.167.273.237
- Chi phí đồ dùng văn phòng	50.528.077	33.915.947
- Chi phí khấu hao TSCĐ	7.499.997	7.499.997
- Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	7.000.000
- Chi phí dự phòng	(319.694.136)	1.556.373.398
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.364.287.733	1.342.736.197
- Chi phí bằng tiền khác	127.046.864	84.580.502
Cộng	3.072.121.100	4.199.379.278

4 . Nghiệp Vụ Với Các Bên Liên Quan

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên độc lập HĐQT từ ngày 18/07/2025
Ông Nguyễn Kiên Giang Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên Ban kiểm soát từ ngày 22/03/2023 đến ngày 18/07/2025
Công Ty Cổ Phần HB Pharma ("HB Pharma")	Công ty con từ 26/04/2023 đến ngày 22/12/2024
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Tài Sản Louis AMC ("Louis AMC")	Công ty con
Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Và Tư Vấn Đầu Tư ("CIC")	Công ty liên kết
Công Ty TNHH Angimex Furious ("Angimex Furious")	Công ty con

4.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2025	Cho kỳ 9 tháng đầu năm 2024
HB Pharma (*)	Công ty con	Lãi cho vay	-	299.178.081
		Chuyển đổi khoản cho vay thành vốn góp	-	5.000.000.000
		Chi hộ	-	5.246.783

(*) Kể từ ngày 23/12/2024, Công ty cổ phần HB Pharma không còn là công ty con của tập đoàn.

Louis AMC	Công ty con	Lãi cho vay	186.190.374	376.362.557
		Louis AMC trả lãi vay	-	30.329.000
		Thu gốc cho vay từ Louis AMC	800.000.000	5.000.000.000
		Bù trừ công nợ	-	-
CIC	Công ty liên kết	Lãi cho vay	39.994.519	28.010.957
		CIC trả lãi vay	21.599.999	34.191.779
		Thu gốc cho vay từ CIC	100.000.000	-

		Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	302.995.838	-
		Thanh toán chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	213.000.000	-
		Phí thuê văn phòng CIC	-	29.072.727
		Mua cổ phần CIC	200.000.000	500.000.000
		Bù trừ công nợ	26.679.451	-
Angimex Furious	Công ty con	Góp vốn	-	4.600.200.000
		Hoàn tiền góp vốn	-	4.600.200.000
Ông Nguyễn Kiên Giang	Thành viên Ban kiểm soát	Mua cổ phần CIC từ ông Nguyễn Kiên Giang	200.000.000	500.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên độc lập HĐQT	Cho thuê văn phòng	54.418.125	-

4.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 09 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V5.a)</i>				
HB Pharma	Công ty con	Lãi cho vay	-	550.684.929
Louis AMC	Công ty con	Lãi cho vay	4.270.432.625	4.084.242.251
CIC	Công ty liên kết	Lãi cho vay	-	8.284.931
Cộng			4.270.432.625	4.643.212.111
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số V.4)</i>				
Louis AMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	2.153.865.921	2.953.865.921
CIC	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay	500.000.000	600.000.000
Cộng			2.653.865.921	3.553.865.921
<i>Phải thu khách hàng</i>				
HB Pharma	Công ty con	Phải thu khách hàng	-	2.501.280
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Thành viên độc lập HĐQT	Phải thu khách hàng	3.688.380	-
Cộng			3.688.380	2.501.280

Người lập biểu


 Trần Thị Thanh Loan

Kế toán trưởng


 Trần Thị Thanh Loan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 10 năm 2025



Tổng Giám đốc
 Lý Thanh Nhã

